

TRÍCH QUY HOẠCH TỶ LỆ 1/500

V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư, tái định cư phường Hạc Thành (MBQH 1876/UBND - QLĐT ngày 28/10/2010) được UBND phường Hạc Thành phê duyệt tại QĐ số 3233/QĐ-UBND ngày 25/8/2026

PRODUCED BY AN AUTODESK EDUCATIONAL PRODUCT

PRODUCED BY AN AUTODESK EDUCATIONAL PRODUCT

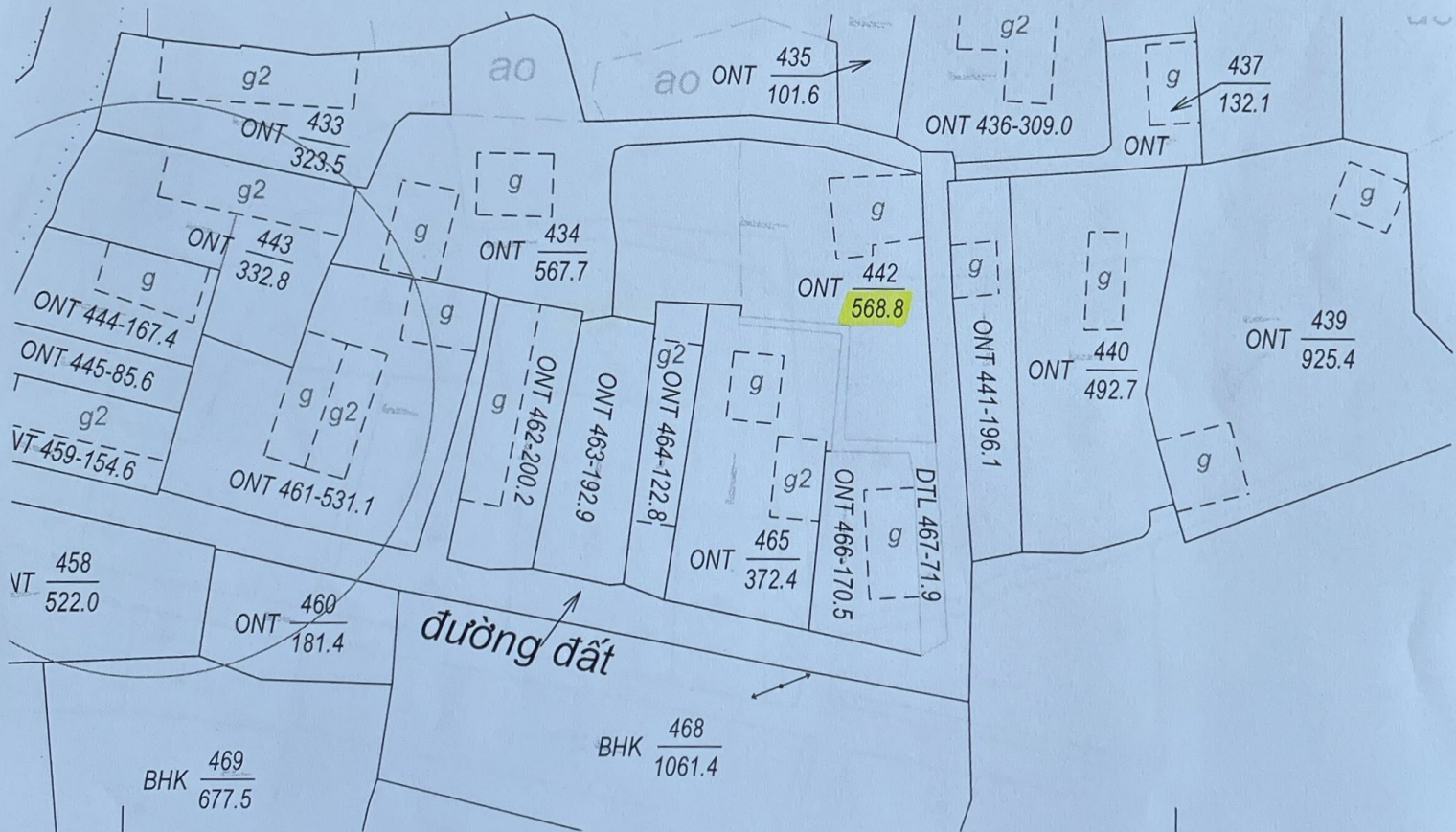


Vị trí thửa đất thuộc lô: DCHT-01 : Chức năng: Đất dân cư liên hợp
 Thửa đất số: 763; tờ bản đồ số: 09 - Bản đồ địa chính: Đông Hưng năm 2011
 Địa chỉ thửa đất: phố Phan Đình Phùng phường Hạc Thành;

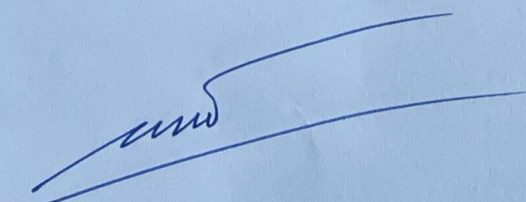
PHÒNG KINH TẾ , HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
CHUYÊN VIÊN

TRÍCH BẢN ĐỒ THỪA ĐẤT PHƯỜNG HẠC THÀNH
(Bản đồ phường Đông Hương cũ)

Người sử dụng đất: Ông(bà)...Nguyễn Thị Tiến.....
Địa chỉ thửa đất:.....phố Phan Đình Phùng, phường Hạc Thành.....
Thửa đất số: ...442.....; Tờ bản đồ số...09.....; Bản đồ Địa chính...số 11.....
Diện tích: ...568,8... m²; Loại đất:.....1.....; Số mục kê:.....Lê Ngọc Vinh (đã chết)
Nguyễn Thị Tiến



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
CHUYÊN VIÊN

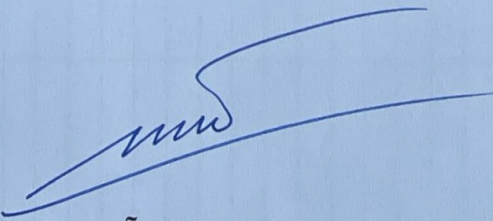

Nguyễn Hoàng Thanh

TRÍCH BẢN ĐỒ THỬA ĐẤT PHƯỜNG HẠC THÀNH
(Bản đồ phường Đông Hương cũ)

Người sử dụng đất: Ông(bà) Nguyễn Thị Tiên
Địa chỉ thửa đất: phía phía Đông phía; phường Hạc Thành
Thửa đất số: 04; Tờ bản đồ số 20; Bản đồ Địa chính 1994
Diện tích: 336 m²; Loại đất: T; Sổ mục kê: Lê Ngọc Vinh



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
CHUYÊN VIÊN


Nguyễn Hoàng Thanh

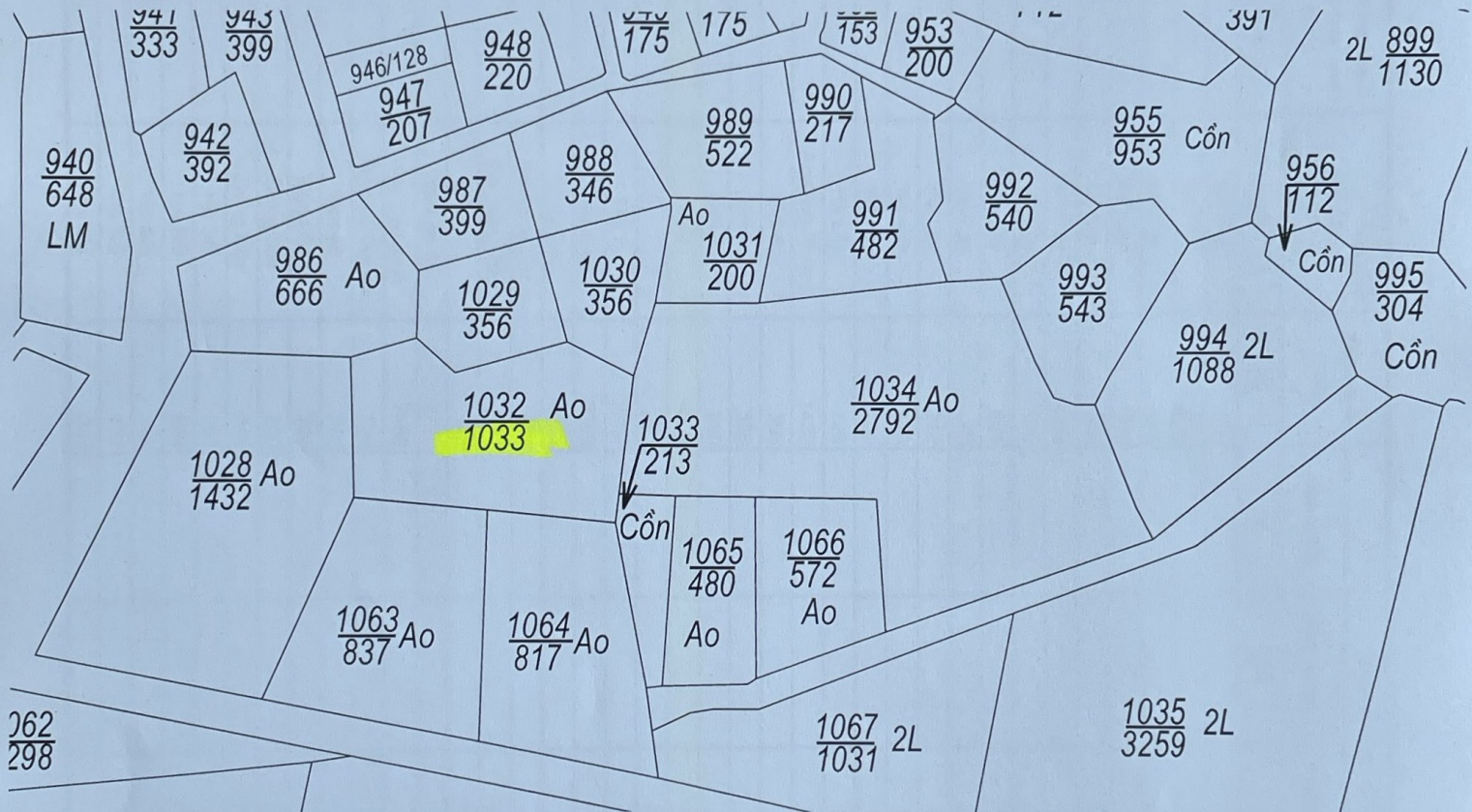
Số thứ tự thửa đất	Tên người sử dụng, quản lý	Loại đối tượng	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng				Ghi chú			
				Cấp GCN	Quy hoạch	Kiểm kê	Chi tiết	Số TT thửa	Nội dung thay đổi	Số TT thửa	Nội dung thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nguyễn Văn Đoa		327			T					
2	Nguyễn Đăng Thực		368			T					
3	Nguyễn Văn Dũng		460			T					
4	Lê Ngọc Vinh		536			T					
5	Lê Ngọc Xuyên		657			T					
6			717			T					
7	HTX		443			2L					
8	HTX		54			Hg					
9	Lê Nguyên Phương		170			T					
10	Lê Thị Thuỷ		480			T					
11	Lê Thị Lăng		442			T					
12	Lê Ngọc quyền		525			T					
13	Lê Ngọc Nghĩa		364			T					
14	Nguyễn Văn Tinh		190			T					
15	Nguyễn Văn Quân		550			T					
16	HTX		177			Ao					
17	HTX		528			2L					
18	HTX		603			2L					
19	HTX		1000			2L					
20	HTX		655			2L					
21	HTX		795			2L					
22	Nguyễn Văn Hùng		165			T					
23	Nguyễn Văn Cường		325			T					
24	Nguyễn Văn Sự		425			T					
25	Lê Ngọc Long		200			T					
26	XDCB		135			T					
27	HTX		1670			2L					
28	HTX		1032			NG					
29	HTX		428			2L					
30	HTX		470			2L					
31	HTX		63			C					
32	HTX		1246			2L					
33	HTX		620			2L					
34	HTX		640			2L					
35	HTX		782			2L					
36	HTX		934			2L					
37	HTX		280			2L					
38	HTX		750			2L					

Cấp 1988

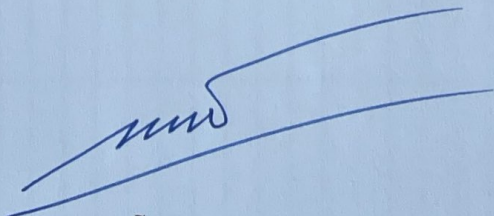
STT	STAN	B	Họ và Tên	ĐV	Loại đất	TPH	ghw
1	849	2	Nguyễn Gi Bình	100 m ²	100 gaw	PNL	
2	849	2	Ngô Thu Lệ	100 m ²	nt	PNL	
3	849	3	Nguyễn Văn Dung	100	nt	PNL	
4	431	2	Trần Thanh Liên	100	nt	PNL	
5	431	2	Mai Xuân Lue	100	nt	PNL	
6	905	2	Nguyễn Đình Chi	100	nt	PNL	
7	906	2	Nguyễn Đình Xan	100	nt	PNL	
8	905	2	Lê Đình Cao	200	nt	Ngang	
9	905	2	Nguyễn Văn Nhũ	100	nt	PNL	
10	905	2	Lê Đình Chông	200	nt	NL	
11	1032	2	Lê Ngọc Vĩnh	200	Đo đình phung	NL	
12	1065	2	Lê Ngọc Kinh	200	nt	NL	
13	615-664	2	Nguyễn Xuân Cúc	200	Đo Trường	"	
14	707	2	Lê Đình Cường	200	nhà Tề	"	
15	112 ^a	3	Đoàn Thị Hiệp	200	đất mạ	"	
16	112 ^b	1	Ngô Văn Lâm	200	"	"	
17	997	3	Nguyễn Thị Thảo	200	Đo Vãng	"	
18	997	3	Nguyễn Thị Tệp	200	"	"	
19	997	3	Nguyễn Trọng Hải	200	"	"	
20	141-142	3	Trần Văn Kỳ	200	chuyên mạ	"	
21	141-142	3	Lê Công Tệp	200	"	"	
22	139-140	3	Nguyễn Xuân Hiệp	200	"	"	
23	139-140	3	Nguyễn Văn Cường	200	"	"	
24	139-140	3	Nguyễn Siêu Tuyền	200	"	"	
25	112-113	3	Nguyễn Trọng Hải	200	"	"	
26	112-113	3	Nguyễn Trọng Châu	200	"	"	
27	112-113	3	Nguyễn Trọng Châu	200	"	"	
28	35	3	Nguyễn Đình Ngai	200	"	"	Đoàn
29	799	2	Lê Ngọc Phượng	100	chợ gạo	PNL	< Xuân Tề LP >
30	431	2	Lê Đình Hải	100	"	"	< Bà dạt ĐP >
31	35	3	Nguyễn Văn Hải	200	chuyên mạ	NL	
32	35	3	Lê Ngọc Thanh	150	"	PNL	

TRÍCH BẢN ĐỒ THUA ĐẤT PHƯỜNG HẠC THANH
(Bản đồ phường Đông Hương cũ)

Người sử dụng đất: Ông(bà) Nguyễn Thị Tiến
Địa chỉ thửa đất: phố Phan Đình Phùng, phường Hạc Thanh
Thửa đất số: 1032; Tờ bản đồ số: 02; Bản đồ Địa chính: 1984
Diện tích: 1033 m²; Loại đất: Ao; Sổ mục kê: HTX



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
CHUYÊN VIÊN


Nguyễn Hoàng Thanh

Số thứ tự tờ bản đồ: 2

Số thứ tự thửa đất	Tên người sử dụng, quản lý	Sử dụng chính thức hay tạm giao	Xử đồng	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng				Ghi chú	
					Cấp GCN	Quy hoạch	Loại Đất	Chi tiết	Số TT thửa	Trang số: 47 Nội dung thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1015	Đội 5		Bờ Đập	160			Mạ			
1016	Đội 5		Bờ Đập	464			Mạ			
1017	Đội 5		Bờ Đập	220			Mạ			
1018	Đội 5		Bờ Đập	695			Mạ			
1019	Đội 5		Bờ Đập	349			Mạ			
1020	Đội 5		Hà Lấy	200			Mạ			
1021	Đội 5		Hà Lấy	191			Mạ			
1022	Đội 5		Hà Lấy	264			Mạ			
1023	UB		Hà Lấy	70			Cồn			
1024	HTX Đội 5		Hà Lấy	217			Mạ			
1025	HTX Đội 5		Hà Lấy	250			Mạ			
1026	HTX Đội 5		Hà Lấy	120			Mạ			
1027	Nguyễn Văn Tình		Hà Lấy	720			Mạ			
1028	HTX		Ao Đình Phùng	1432			Ao			
1029	Trần Thị Thái		Đội 5	356			T			
1030	Lê Ngọc Dung		Đội 5	356			T			
1031	HTX		Đội 5	200			Ao			
1032	HTX		Đội 5	1032			Ao			
1033	UB			213			Cồn			
1034	HTX		Đội 5	2792			2L			
1035	Đội 4		Đồng Cáo	3259			2L			
1036	Đội 4		Đồng Cáo	4004			2L			
1037	Đội 3		Bơ Sông Cốc	956			2L			
1038	Đội 3		Bơ Sông Cốc	733			Cồn			
1039	UB			73			Tha Ma			
1040	UB		Bãi Lớn 48	3715			Hg			
1041	HTX		Khu Lò Gạch	7188			2L			
1042	HTX		Khu Lò Gạch	136			Cồn			
1043+1044	UB		San 48	379			LM			
1045	HTX		Đồng Cốc	300			LM			
1046	HTX		Đồng Cốc	200			LM			
1047	Đội 4		Đồng Cốc	445			Mạ			
1048	Đội 4		Hà Sỏi	288			Mạ			
1049	Đội 4		Hà Sỏi	689			Mạ			
1050	Đội 4		Hà Sỏi	446			Mạ			
1051	Đội 4		Hà Sỏi	177			Mạ			
1052	Đội 4		Hà Mạ	216			Mạ			